

Bản án số: **20/2020/HNGĐ-ST**

Ngày: 15-01-2020

V/v: “*Ly hôn, nuôi con*”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHƯƠNG MỸ - THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Hoàng Long**

Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Trần Trung Úy**

Bà **Nguyễn Thị Luận**

Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Ông **Nguyễn Hoàng Long** - Thư ký Tòa án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chương Mỹ tham gia phiên tòa: Bà **Đỗ Thị Ly** - Kiểm sát viên.

Trong ngày **15** tháng **01** năm **2020**, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chương Mỹ, Thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và Gia đình thụ lý số **283/2019/TLST-HNGĐ** ngày **04/12/2019**. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số **02/2020/QĐXXST-HNGĐ** ngày **02** tháng **01** năm **2020** và Quyết định hoãn phiên tòa số **03/2020/QĐHPTST-HNGĐ** ngày **09** tháng **01** năm **2020** giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn:** Anh **NĐN**, sinh năm **1983**

Nơi đăng ký HKTT và cư trú: huyện Chương Mỹ, Thành phố Hà Nội.

*** Bị đơn:** Chị **NTL**, sinh năm **1984**

Nơi đăng ký HKTT và cư trú: huyện Chương Mỹ, Thành phố Hà Nội.

Tại phiên tòa:

Anh **NĐN** - Có mặt.

Chị **NTL** – Vắng mặt không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo đơn khởi kiện, tại bản tự khai và lời trình bày trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn - Anh NĐN trình bày:**

Về hôn nhân: Anh và chị **NTL** kết hôn năm **2003** trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã **Đông Lạc**, huyện **Chương Mỹ**, Thành phố **Hà Nội**. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống với nhau tại nhà anh **N** tại huyện **Chương Mỹ**, Thành phố **Hà Nội**. Theo anh **N**, quá trình chung sống vợ chồng thường xuyên mâu

thuần, cãi vã nhau do bất đồng quan điểm sống. Hiện nay chị L vẫn ở cùng nhà với anh, tuy sống cùng nhà nhưng không nói chuyện, không quan tâm gì đến nhau. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng không còn nên anh xin ly hôn với chị L để cả hai ổn định cuộc sống.

Về con chung: Vợ chồng có 03 con chung là cháu NPĐ, sinh ngày 09/8/2004, cháu NĐH, sinh ngày 08/8/2006, cháu NĐH1, sinh ngày 04/12/2011. Ly hôn, anh N có nguyện vọng nuôi cả 03 con chung, nếu không được nuôi cả 03 con chung anh đề nghị được nuôi 02 cháu NPĐ và cháu NĐH. Nếu được nuôi con, anh không yêu cầu chị L cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Trong trường hợp chị L nuôi cả 03 con chung anh sẽ có trách nhiệm cấp dưỡng mỗi cháu 2.000.000 đồng/tháng cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung, công nợ chung: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*** Bị đơn - chị NTL trình bày:**

Về hôn nhân: Chị L thừa nhận chị và anh NĐN kết hôn năm 2003 trên tinh thần tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đồng Lạc, huyện Chương Mỹ. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống tại gia đình nhà chồng. Theo chị L, quá trình chung sống vợ chồng không có mâu thuẫn gì, anh N làm nghề thợ xây thường xuyên đi làm xa và đi dài ngày nên vợ chồng không có va chạm gì với nhau trong cuộc sống thường ngày, bản thân chị đang sống cùng bố mẹ chồng trên cùng thửa đất nhưng ăn riêng, bố mẹ chồng ở nhà dưới còn vợ chồng chị và các con ở nhà trên, giữa chị và bố mẹ chồng không có mâu thuẫn. Đối với anh N thường xuyên vắng nhà nên chỉ khi gia đình có công việc gì thì anh N mới về. Tuy đi làm có tiền nhưng anh N cũng không đưa tiền cho chị để chị nuôi các con. Nay anh N xin ly hôn, chị L không đồng ý vì chị vẫn còn tình cảm nên chị muốn vợ chồng đoàn tụ để cùng nhau nuôi dạy các con và muốn các con khôn lớn có cả bố và mẹ, nếu bố mẹ ly hôn thì các cháu sẽ chán nản và hư hỏng, bố mẹ chồng và các con chung cũng không muốn vợ chồng chị ly hôn.

Về con chung: Chị L thừa nhận vợ chồng có 03 con chung là cháu NPĐ sinh ngày 09/8/2004; cháu NĐH sinh ngày 08/8/2006; cháu NĐH1, sinh năm 2011, hiện các cháu đang ở cùng với chị. Nguyên vọng của các cháu muốn ở cùng bố mẹ và không muốn bố mẹ ly hôn. Chị hiện đi làm tại Công ty đồ chơi tại Khu công nghiệp Phú Nghĩa, thu nhập khoảng 6.000.000 đồng/ tháng.

Về tài sản chung, công nợ chung: Do chị L không đồng ý ly hôn nên chị không yêu cầu tòa án giải quyết.

Các con chung của anh N và chị L: Cháu NPĐ, cháu NĐH, cháu NĐH1 đều có nguyện vọng mong muốn bố mẹ đoàn tụ để cùng nuôi dạy các cháu.

Tại phiên tòa: Anh NĐN giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn chị NTL và thừa nhận giữa vợ chồng chưa có mâu thuẫn gì lớn dẫn đến xô xát nhau nhưng giữa vợ chồng không hợp nhau do bất đồng quan điểm sống. Anh N cũng thừa nhận giữa chị L và bố

mẹ anh không có mâu thuẫn gì và bố mẹ anh cũng không muốn vợ chồng anh ly hôn vì thương các cháu.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chương Mỹ tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự; Các đương sự: Anh NĐN đã chấp hành đúng quy định của pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án, chị NTL chưa chấp hành đúng quy định của pháp luật.

Về nội dung: Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh NĐN về việc xin ly hôn với chị NTL để tạo điều kiện vợ chồng đoàn tụ cùng nhau nuôi dạy con chung. *Về án phí:* Anh N phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị NTL hiện cư trú tại huyện Chương Mỹ, Thành phố Hà Nội. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự, việc giải quyết vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Chương Mỹ, Thành phố Hà Nội.

Về sự vắng mặt của chị NTL: Chị NTL đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng của Tòa án nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015; Điều 28 Nghị quyết số 05/2012/NQ-HĐTP ngày 03/12/2012 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị NTL.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về hôn nhân: Anh NĐN kết hôn với chị NTL năm 2003 trên tinh thần tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đồng Lạc, huyện Chương Mỹ, Thành phố Hà Nội ngày 06/9/2003 nên hôn nhân giữa anh N và chị L là hợp pháp. Quá trình chung sống, theo anh N thì quá trình chung sống với nhau vợ chồng thường xuyên mâu thuẫn, cãi vã nhau do bất đồng quan điểm sống. Theo chị L, quá trình chung sống vợ chồng không có mâu thuẫn, anh N làm nghề thợ xây nên thường xuyên đi làm vắng nhà và đi dài ngày nên vợ chồng không có va chạm gì, giữa chị L và bố mẹ anh N cũng không có mâu thuẫn gì. Tại phiên tòa, anh N thừa nhận anh làm nghề thợ xây nên thường xuyên vắng nhà và giữa vợ chồng không có xô xát lớn với nhau.

Nguyên vọng của chị NTL và các con chung là cháu NPĐ, NĐH, NĐH1 cũng như bố mẹ đẻ anh N đều có nguyên vọng anh N và chị L đoàn tụ để cùng nhau nuôi

dạy con chung. Xét thấy giữa anh N và chị L có mâu thuẫn do bất đồng quan điểm nhưng chưa đến mức trầm trọng, nguyện vọng của chị L và các con chung và cũng như bố mẹ để anh N về nguyện vọng vợ chồng anh N, chị L đoàn tụ là chính đáng nên cần không chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh N để tạo cơ hội cho anh N và chị L đoàn tụ để cùng nhau xây dựng hạnh phúc và nuôi dạy con chung.

[2.2] Về con chung: Anh NĐN và chị NTL có 03 con chung là cháu NPĐ sinh ngày 09/8/2004; cháu NĐH sinh ngày 08/8/2006; cháu NĐH1, sinh năm 2011. Do không chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh N nên không xem xét giải quyết vấn đề con chung.

[2.4] Về tài sản chung, công nợ chung: Không xem xét.

[2.5] Về án phí: Anh NĐN phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 28, 35, 39, 227, 228, 266, 271, 273 của Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015, Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội ngày 30/12/2016 quy định về án phí, lệ phí Tòa án. Xử:

1. Về hôn nhân: Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của anh NĐN đối với chị NTL.

2. Về con chung: Không xem xét.

3. Về tài sản, công nợ chung, công sức: Không xem xét.

4. Về án phí: Anh NĐN phải chịu **300.000** đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn. Anh NĐN đã nộp **300.000** đồng (*theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2015/0004389 ngày 28 tháng 11 năm 2019*) tại Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Chương Mỹ, Thành phố Hà Nội.

5. Về quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm, anh NĐN có quyền kháng cáo trong thời hạn **15** ngày kể từ ngày tuyên án. Chị NTL có quyền kháng cáo trong thời hạn **15** ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ tại nơi của trú.

Nơi nhận:

- TAND tp Hà Nội;
- VKSND huyện Chương Mỹ,
- CC.THADS huyện Chương Mỹ;
- UBND xã Đông Lạc, Chương Mỹ
- Các đương sự;
- Lưu HSVA/VP.

**T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

**THẨM PHÁN
CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

**THẨM PHÁN
CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Hữu Trọng

Nguyễn Thị Thanh Hà

Nguyễn Thị Tuyết Mai

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

**THẨM PHÁN
CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**